TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN** ————	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ————————————
Bản án số: 23/2020/DSST Ngày 17 - 7 - 2020 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thể

Các Hội thẩm nhân dân: ông Cao Tiến Hùng và bà Đoàn Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô lương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày *17* tháng *7* năm *2020* tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số *21/2020*/TLST-*DS* ngày *21* tháng *5* năm *2020* về tranh chấp *hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số *09/2020*/QĐXXST-DS ngày *02* tháng *7* năm *2020* giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Hoàng Thị B – sinh năm 1971

Địa chỉ: Xóm P, xã Y, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: bà Thái Thị H – sinh năm 1970 và ông Nguyễn Thái Nh – sinh năm 1964

Địa chỉ: Xóm H, xã Y, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Đức T – sinh năm 1962

Địa chỉ: Xóm P, xã Y, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/11/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị B và ông Trần Đức T trình bày:

Do quan hệ quen biết nên ngày 15/9/2018 âm lịch vợ chồng bà B, ông T có cho vợ chồng bà Thái Thị H và ông Nguyễn Thái Nh vay số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, thỏa thuận về tiền lãi mức 0,2%/tháng (tương đương 2,4%/năm) nhưng giao hẹn là lúc nào cần thì báo trước một tuần ông Nh bà H sẽ trả. Ông Nh và bà H đã trả lãi đến tháng 7/2019, tuy nhiên, nguyên đơn không nhớ cụ thể số tiền lãi đã nhận được bao nhiêu vì khi cho vay chủ yếu là hỗ trợ lẫn nhau. Sau khi nghe tin bị đơn vỡ nợ, nguyên đơn đã đồng ý nhận 02 chiếc Rơmooc do bị đơn giao tương ứng số tiền là 440.000.000 (Bốn trăm bốn mươi triệu) đồng và gạt nợ cho người thứ 3 được 27.000.000 (Hai mươi bảy triệu) đồng để trừ vào tiền nợ gốc. Do vậy, số tiền gốc mà bị đơn còn nợ là 533.000.000 (Năm trăm ba mươi ba triệu) đồng nhưng từ tháng 8/2019 đến nay, dù đã đòi nhiều lần mà bị đơn không chịu trả.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền nợ gốc 533.000.000 (Năm trăm ba mươi ba triệu) đồng và không yêu cầu trả tiền lãi phát sinh.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thái Nh và bà Thái Thị H trình bày: do cần tiền kinh doanh vật liệu xây dựng, ông bà đã vay của ông Trần Đức T và bà Hoàng Thị B số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng theo Giấy vay tiền lập ngày 15/9/2018 âm lịch. Tuy trong giấy vay tiền không ghi cụ thể lãi suất nhưng thực tế, bị đơn vẫn trả lãi đầy đủ đến tháng 7/2019, tiền lãi lên đến 20.000.000 đồng mỗi tháng tương đương 2%/tháng (tức 24%/năm). Kể từ tháng 8/2019, do làm ăn thua lỗ nên bị đơn đã gán 02 chiếc Rơmooc tương ứng số tiền là 440.000.000 (Bốn trăm bốn mươi triệu) đồng và gạt nợ cho người thứ 3 được 27.000.000 (Hai mươi bảy triệu) đồng để trừ vào tiền nợ gốc cho nguyên đơn. Bị đơn thừa nhận việc nguyên đơn nhiều lần đến đòi nợ nhưng vì không có tiền nên chưa có khả năng trả lại số tiền gốc là 533.000.000 (Năm trăm ba mươi ba triệu) đồng và tiền lãi từ tháng 8/2019 đến nay. Bị đơn chỉ chấp nhận trả số tiền gốc còn lại cho ông T bà B nhưng không đồng ý đưa ra kế hoạch trả nợ cụ thể.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ trông chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 278, Điều 280, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự; Điều 26, điều 35, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên buộc bị đơn trả số nợ gốc cho nguyên đơn 533.000.000 (Năm trăm ba mươi ba triệu) đồng; bị đơn phải chịu án phí theo luật định nhưng xem xét giảm 50% án phí cho bị đơn do hoàn cảnh khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản xác lập năm 2018 đối với bị đơn Nguyễn Thái Nh và Thái Thị H, cùng cư trú tại xóm H, xã Y, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

Trước khi khởi kiện, nguyên đơn đã thực hiện việc yêu cầu bị đơn trả nợ nên đáp ứng đúng quy định tại điều khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015, Điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về điều kiện khởi kiện.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu bà B, ông T giao nộp bản gốc của tài liệu thể hiện nội dung giao dịch vay tiền ngày 15/9/2018 âm lịch nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn mới giao nộp là vi phạm quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào văn bản lập ngày 15/9/2018 âm lịch và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy: vào ngày 15/9/2018 âm lịch, bà Thái Thị H và ông Nguyễn Thái Nh đã vay của ông Trần Đức T và bà Hoàng Thị B số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng. Trong văn bản vay mượn tiền không phản ánh nội dung thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ song các đương sự đều thừa nhận là trên thực tế, bị đơn vẫn trả lãi cho nguyên đơn đến tháng 7/2019. Tuy giữa các đương sự còn có sự mâu thuẫn về xác định mức lãi suất nhưng vì không có tài liệu khách quan nào phản ánh thỏa thuận lãi suất tại thời điểm phát sinh giao dịch nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Như vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là giao dịch vay tài sản không thời hạn và có lãi, theo đó bên cho vay là ông T – bà B và bên vay là ông Nh – bà H; bên vay đã được nhận đủ tài sản (số tiền gốc 1.000.000.000 đồng) từ bên cho vay.

Các đương sự thừa nhận, quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả được 467.000.000 (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu) đồng tiền gốc và vẫn còn nợ số tiền gốc 533.000.000 (Năm trăm ba mươi ba triệu) đồng. Bị đơn cũng đồng thuận trả lại số tiền gốc 533.000.000 (Năm trăm ba mươi ba triệu) đồng cho nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn, buộc ông Nh và bà H phải trả số nợ gốc 533.000.000 (Năm trăm ba mươi ba triệu) đồng cho bà B và ông T.

Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh từ số nợ gốc 533.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì nên không xem xét.

[2]. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nh và bà H phải chịu 25.320.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do ông Nh, bà H lâm vào hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho giảm 50% án phí, ông Nh và bà H còn phải chịu số tiền án phí là 12.660.000 đồng.

Trả lại cho bà Hoàng Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 116; Điều 278; Điều 280; Điều 466; khoản 2 điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 1 điều 147; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 13; Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc ông Nguyễn Thái Nh và bà Thái Thị H phải trả cho ông Trần Đức T và bà Hoàng Thị B số tiền 533.000.000 (Năm trăm ba mươi ba triệu) đồng theo giao dịch vay tài sản thiết lập ngày 15/9/2018 âm lịch.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

- Về án phí: Trả lại cho bà Hoàng Thị B số tiền 12.660.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005408 ngày 21/5/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Ông Nguyễn Thái Nh và bà Thái Thị H phải chịu 12.660.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hồng Thể